

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TH
THÀNH PHỐ H

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 149/2023/HNGĐ-ST
Ngày 20-7-2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TH, THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Đình Hùng

Ông Phạm Văn Sóng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Th, thành phố H.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Th, thành phố H tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Th xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 125/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2023 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 124/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị M; nơi đăng ký thường trú: Thôn 2, xã M, huyện Th, thành phố H; nơi ở hiện nay: Thôn 6, xã K, huyện Th, thành phố H; có mặt.

- Bị đơn: Anh Lê Hồng H; địa chỉ: Thôn 2, xã M, huyện Th, thành phố H; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện, tại Bản tự khai, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị M trình bày:

Về hôn nhân: Chị M và anh Lê Hồng H kết hôn với nhau vào năm 2008 trên cơ sở tình cảm tự nguyện, có tổ chức cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Th, thành phố H. Sau khi cưới vợ

chồng về thôn 2, xã M chung sống. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến đầu năm 2022 thì vợ chồng phát sinh mâu Tẫn, đến đầu năm 2023 mâu Tẫn vợ chồng trở nên trầm trọng. Nguyên nhân mâu Tẫn do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống trong mọi lĩnh vực, không có tiếng nói chung, không tôn trọng nhau nên vợ chồng thường xảy ra đánh, cãi chửi nhau và đã sống ly thân nhau từ tháng 3 năm 2023 đến nay không ai còn quan tâm đến ai. Mâu Tẫn vợ chồng đã được hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu Tẫn vợ chồng đã trở nên sâu sắc, trầm trọng, không còn khả năng đoàn tụ nên chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Lê Hồng H.

Về con chung: Chị M trình bày chị và anh H có 02 con chung tên là: Lê Quốc B, sinh ngày 25/9/2008 và Lê Minh T, sinh ngày 03/8/2012. Khi ly hôn, chị trình bày đề nghị được trực tiếp nuôi con chung Lê Minh T và đề nghị anh H trực tiếp nuôi con chung Lê Quốc B, về cấp dưỡng nuôi con chung để chị và anh H tự thỏa Tận giao nhận cho nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản chung: Chị M trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh Lê Hồng H trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị M kết hôn với nhau vào năm 2008 trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, có tổ chức cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Th, thành phố H. Sau khi cưới vợ chồng về thôn 2, xã M chung sống. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến đầu năm 2023 thì vợ chồng phát sinh mâu Tẫn. Nguyên nhân mâu Tẫn do vợ chồng không có tiếng nói chung, chị M không chăm lo gia đình, không tôn trọng chồng, anh H đã tham gia khuyến B nhiều lần nhưng chị M vẫn không thay đổi, trong lúc nóng giận anh H có nói tục, anh H đã xin lỗi nhưng chị M không nghe mà bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân nhau từ ngày 13 tháng 3 năm 2023 đến nay không ai còn quan tâm đến ai. Mâu Tẫn vợ chồng đã được hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Chị M xin ly hôn, anh H không đồng ý ly hôn, mong muốn được đoàn tụ, hàn gắn tình cảm để cùng nhau nuôi dạy con cái.

Về con chung: Anh H trình bày anh và chị M có 02 con chung tên là: Lê Quốc B, sinh ngày 25/9/2008 và Lê Minh T, sinh ngày 03/8/2012. Trường hợp ly hôn, anh đề nghị để chị M được trực tiếp nuôi con chung Lê Minh T và đề nghị

anh trực tiếp nuôi con tên Lê Quốc B, về cấp dưỡng nuôi con chung anh H không trình bày ý kiến gì, không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh H trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Biên bản xác minh ngày 26/5/2023 tại Công an nhân dân và Ủy ban nhân dân xã M, huyện Th, thành phố H thể hiện: Anh Lê Hồng H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã M và hiện nay vẫn đang cư trú, sinh sống tại địa phương. Năm 2008, chị M và anh H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Th, thành phố H theo Giấy chứng nhận kết hôn số 13 ngày 14/3/2008. Sau khi kết hôn, vợ chồng chuyển về sinh sống tại thôn 2, xã M, huyện Th, thành phố H. Quá trình chung sống vợ chồng hoà Tấn hạnh phúc đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu Tẫn giữa vợ chồng. Nguyên nhân mâu Tẫn do tính cách vợ chồng không hòa hợp. Do mâu Tẫn nên vợ chồng đã không còn chung sống với nhau nữa. Nay chị M xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định. Chị M và anh H có 02 con chung tên là Lê Quốc B, sinh ngày 25/9/2008 và Lê Minh T, sinh ngày 03/8/2012. Về tài sản chung của vợ chồng: Đề nghị Tòa án giải quyết theo yêu cầu của đương sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Th phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 39 Bộ luật Dân sự; các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Nguyễn Thị M được ly hôn anh Lê Hồng H. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị M trực tiếp nuôi con chung tên là Lê Minh T, sinh ngày 03/8/2012 và giao anh Lê Hồng H trực tiếp nuôi con tên Lê Quốc B, sinh ngày 25/9/2008 cho đến khi từng con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động, trừ trường hợp có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; về cấp dưỡng nuôi con chung và về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên

không xem xét giải quyết; nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình và Tộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Th, thành phố H theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị M và anh Lê Hồng H đã được xác lập là hợp pháp (Giấy chứng nhận kết hôn số 13 ngày 14/3/2008 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Th, thành phố H). Căn cứ vào lời khai của đương sự và tài liệu điều tra xác minh tại địa phương thể hiện trong quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu Tẫn. Nguyên nhân mâu Tẫn do bất đồng quan điểm sống, hai bên thiếu tôn trọng lẫn nhau. Từ năm 2023 mâu Tẫn trở nên trầm trọng không thể hàn gắn tình cảm được. Điều đó chứng tỏ mâu Tẫn vợ chồng có tồn tại làm cho hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, khả năng đoàn tụ không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Chị M yêu cầu ly hôn, căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình cần cho ly hôn giữa chị M và anh H.

[3]. Về con chung: Chị M và anh H có 02 con chung tên là Lê Quốc B, sinh ngày 25/9/2008 và Lê Minh T, sinh ngày 03/8/2012. Khi ly hôn, nguyên đơn trình bày đề nghị được tiếp tục trực tiếp nuôi con chung tên Lê Minh T và đề nghị anh H tiếp tục trực tiếp nuôi con chung tên Lê Quốc B, về cấp dưỡng nuôi con chung để chị và anh H tự thỏa Tận giao nhận cho nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết. Việc giao con chung cho ai nuôi cần phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của các con chung. Xét thấy, chị M và anh H có đủ khả năng, điều kiện để đảm B việc nuôi con chung phát triển được tốt; mặt khác, con chung tên Lê Minh T có nguyện vọng được ở với chị M, con chung tên Lê Quốc B có nguyện vọng được ở với anh H nên cần giao con chung Lê Minh T cho chị M trực tiếp nuôi và giao con chung tên Lê Quốc B cho anh H trực tiếp nuôi là phù hợp với các Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị M đề nghị để chị và anh H tự thỏa Tận giao nhận cho nhau, không có yêu cầu Tòa án giải quyết và anh H không trình bày

ý kiến gì, không có yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Về tài sản chung: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[5]. Về án phí: Chị M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

[6]. Về quyền kháng cáo: Chị M và anh H có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị M và anh Lê Hồng H.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị M trực tiếp nuôi con chung tên là Lê Minh T, sinh ngày 03/8/2012 và giao cho anh Lê Hồng H trực tiếp nuôi con chung tên là Lê Quốc B, sinh ngày 25/9/2008 cho đến khi từng con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động, trừ trường hợp có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị M và anh Lê Hồng H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị M và anh Lê Hồng H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai T tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008550 ngày 20 tháng 4 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Th, thành phố H. Chị Nguyễn Thị M đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. H;
- VKSND huyện Th;
- Chi cục THA DS huyện Th;
- UBND xã M, huyện Th, TP H (ĐKKH ngày 14 tháng 3 năm 2008);
- Đường sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Vân

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thúc Mỡ

Bùi Đức Khoa

Trương Minh Huế

Nơi nhận:

- TAND TP. H;
- VKSND huyện Th;
- Chi cục THA DS huyện Th;
- UBND xã Đông Sơn (ĐKKH ngày 06 tháng 02 năm 2017);
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trương Minh Huế

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Lợi Đồng Thị Thường

Trương Minh Huế

